

BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	Số BD	Phòng thi	Họ đệm	Tên	Sinh ngày	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự thi vào lớp chuyên (NV1)	Đăng ký nguyện vọng 2 (NV2)	ĐTBm đăng ký vào chuyên	ĐTB môn CN lớp 9	Điểm ưu tiên		Điểm thi các môn				Ghi chú
															Giải	Môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Môn Chuyên	
1	01.01	01	Nguyễn Thế	An	19 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Hóa học	KC	8.5	8.0			2.50	2.25	4.10	2.50	
2	01.02	01	Đàm Quốc	Anh	25 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Hóa học	KC	8.5	7.2			5.00	3.25	6.00	3.00	
3	01.03	01	Đào Ngọc	Anh	22 / 01 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Hóa học	KC	9.8	8.6	Nhi	Hóa học	6.25	6.00	7.40	7.25	
4	01.04	01	Doãn Hồ Nguyệt	Anh	21 / 07 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng		Hóa học	KC	9.8	9.1	Ba	Hóa học	7.50	6.00	8.60	6.00	
5	01.05	01	Nguyễn Ngọc	Anh	19 / 06 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Hóa học	KC	8.2	7.8			3.25	4.25	6.00	2.50	
6	01.06	01	Nguyễn Phương	Anh	23 / 10 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Hóa học	KC	7.7	7.2			1.50	4.25	5.20	2.25	
7	01.07	01	Tạ Đức	Anh	12 / 01 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Hóa học	KC	8.5	7.2			3.25	3.75	8.10	4.25	
8	01.08	01	Hoàng Thái	Bảo	08 / 01 / 2006	Mèo Vạc - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Hóa học	KC	9.0	8.6			6.75	6.25	8.90	4.50	
9	01.09	01	Nguyễn Ngọc Lâm	Chi	08 / 08 / 2006	Vị Xuyên - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Hóa học	KC	8.6	8.4			7.00	5.00	6.00	3.25	
10	01.10	01	Nguyễn Mạnh	Cường	15 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Hóa học	KC	8.0	7.1			1.50	2.25	4.50	2.75	
11	01.11	01	Nguyễn Tiến	Đạt	12 / 02 / 2006	Mê Linh - Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Hóa học	KC	8.4	7.9			3.75	2.50	3.90	2.75	
12	01.12	01	Phạm Văn	Dương	28 / 11 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi	03	Hóa học		8.4	7.2			0.25	2.25	4.30	1.25	
13	01.13	01	Nguyễn Đức	Duy	11 / 07 / 2006	Bắc Mê - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Phú		Hóa học	KC	8.5	7.8			5.00	5.50	5.50	4.25	
14	01.14	01	Nguyễn Khánh	Duy	17 / 01 / 2006	Yên Sơn - Tuyên Quang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Phú		Hóa học	KC	8.8	8.3			2.75	4.50	4.60	3.25	
15	01.15	01	Nguyễn Khương	Duy	21 / 03 / 2006	Đồng Văn - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng		Hóa học		9.8	8.9	Nhất	Hóa học	6.75	6.00	6.90	9.50	
16	01.16	01	Đỗ Lâm Tuệ	Giang	30 / 01 / 2006	Mèo Vạc - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Lý Tự Trọng	03	Hóa học	KC	9.5	8.9	Ba	Hóa học	7.00	5.50	5.60	6.50	
17	01.17	01	Dương Hương	Giang	20 / 08 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Hóa học	KC	9.6	8.5			6.50	4.75	5.30	5.25	
18	01.18	01	Nguyễn Hương	Giang	03 / 08 / 2006	Yên Minh - Hà Giang	Nữ	Kinh	THCS TT huyện Yên Minh		Hóa học	KC	8.4	8.6	Nhi	Hóa học	4.25	7.50	6.00	8.00	
19	01.19	01	Nguyễn Thu	Hà	07 / 05 / 2006	Sơn Dương - Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi	03	Hóa học	KC	8.9	8.3			4.25	6.50	4.70	3.00	
20	01.20	01	Nguyễn Hoàng	Hải	04 / 01 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Hóa học	KC	8.9	8.7			6.25	5.75	4.60	6.50	
21	01.21	01	Nguyễn Thanh	Hải	02 / 10 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lương Thế Vinh		Hóa học		9.4	7.4			5.00	4.50	3.80	4.50	
22	01.22	01	Nguyễn Thu	Hằng	30 / 11 / 2006	Đồng Văn - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Hóa học	KC	8.9	8.0			5.75	6.25	5.80	5.25	

NGƯỜI NHẬP, SOÁT ĐIỂM THI

Người đọc điểm thi: Lý Thị Thu PhươngNgười soát điểm thi 1: Bùi Thị Lê VănNgười soát điểm thi 2: Nguyễn Công DũngNgười nhập điểm thi: Nguyễn Khương HồngHà Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Nguyễn Mạnh Nhất

PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lâm Thế Hùng

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Phòng thi số: 02
Từ số báo danh: 02.01 đến số báo danh 02.22

TT	Số BD	Phòng thi	Họ đệm	Tên	Sinh ngày	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Đổi tượng ưu tiên	Đăng ký dự thi vào lớp chuyên (NV1)	Đăng ký nguyện vọng 2 (NV2)	ĐTBm đăng ký vào chuyên	ĐTB môn CN lớp 9	Điểm ưu tiên		Điểm thi các môn				Ghi chú
															Giải	Môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Môn Chuyên	
1	02.01	02	Trần Minh	Hằng	22 / 03 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Cao Lan	Trường THCS Lê Quý Đôn	03	Hóa học	KC	9.2	8.2			6.00	5.00	6.30	5.00	
2	02.02	02	Trương Đức Khải	Hoàn	24 / 10 / 2006	Đồng Văn - Hà Giang	Nam	Nùng	Trường THCS Lê Quý Đôn	03	Hóa học	KC	8.3	7.8			7.00	6.25	6.00	5.00	
3	02.03	02	Dương Tuấn	Hùng	18 / 03 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi	03	Hóa học	KC	9.0	7.8			7.00	5.00	6.00	4.75	
4	02.04	02	Lâm Thiên	Hương	05 / 08 / 2006	Quản Bạ - Hà Giang	Nữ	Nùng	Trường PTDTNT Quản Bạ	03	Hóa học	KC	9.1	8.6			5.75	6.00	6.70	4.00	
5	02.05	02	Nguyễn Minh	Hương	18 / 05 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Hóa học	KC	9.6	8.5	Ba	Hóa học	8.00	5.00	7.40	6.25	
6	02.06	02	Phạm Khánh	Huyền	20 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Hóa học	KC	8.5	7.7			5.50	2.25	5.80	3.25	
7	02.07	02	Hoàng Ngọc	Khánh	09 / 12 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Giáy	Trường THCS Minh Khai	03	Hóa học	KC	8.8	8.2			5.00	2.25	6.70	4.25	
8	02.08	02	Nguyễn Đăng	Khoa	15 / 05 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Hóa học	KC	9.1	8.4			7.50	4.75	8.30	6.75	
9	02.09	02	Hà Trọng	Khôi	03 / 08 / 2006	Mèo Vạc - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Yên Biên	03	Hóa học		8.6	7.9			2.25	6.25	6.70	2.25	
10	02.10	02	Lý Khánh	Linh	21 / 03 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Nùng	Trường THCS Minh Khai	03	Hóa học	KC	8.7	8.3			4.00	4.75	8.40	3.75	
11	02.11	02	Mai Khánh	Linh	20 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Hóa học	KC	9.8	9.2	Nhi	Hóa học	7.25	6.00	9.30	9.50	
12	02.12	02	Phạm Khánh	Linh	19 / 03 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên	03	Hóa học	KC	8.5	8.1			4.00	2.50	6.60	2.50	
13	02.13	02	Hoàng Gia	Lộc	11 / 02 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nam	Giáy	Trường THCS Lý Tự Trọng	03	Hóa học		9.8	8.8	Nhất	Hóa học	4.75	5.00	9.10	7.25	
14	02.14	02	Bàn Nguyễn Huyền	My	06 / 07 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nữ	Dao	THCS TTr huyện Yên Minh	03	Hóa học	KC	9.2	8.7	Nhi	Hóa học	4.50	5.75	6.20	7.00	
15	02.15	02	Đặng Quang	Nam	29 / 08 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Hóa học	KC	9.3	8.3			6.25	6.00	8.80	5.50	
16	02.16	02	Nguyễn Hải	Nam	03 / 11 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Hóa học	KC	8.1	7.6			4.75	4.75	4.60	2.75	
17	02.17	02	Phạm Hoàng	Ngân	17 / 01 / 2006	Tuyên Quang - Tuyên Qu	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Hóa học	KC	8.0	8.3			2.25	4.50	6.60	3.50	
18	02.18	02	Hoàng Bảo	Ngọc	10 / 08 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Hoa	Trường THCS Yên Biên	03	Hóa học	KC	9.3	8.8	Nhi	Hóa học	6.00	5.25	9.50	7.00	
19	02.19	02	Nguyễn Bảo	Ngọc	26 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Hóa học	KC	7.9	7.6			0.50	2.25	5.80	2.00	
20	02.20	02	Trương Thị Bích	Ngọc	15 / 06 / 2006	Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Hóa học	KC	8.3	8.6			5.75	5.00	6.50	4.00	
21	02.21	02	Nguyễn Thanh	Nhân	06 / 06 / 2006	Xín Mần - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Liên Việt	03	Hóa học	KC	9.0	8.5	Ba	Hóa học	4.00	2.75	3.90	5.00	
22	02.22	02	Tạ Thùy	Nhung	22 / 06 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Hóa học	KC	9.8	8.7			3.50	4.00	5.60	4.25	

NGƯỜI NHẬP, SOÁT ĐIỂM THI

Người đọc điểm thi: Lý Thị Thu Phương

Người soát điểm thi 1: Nguyễn Thị Lê Văn

Người soát điểm thi 2: Nguyễn Công Dũng

Người nhập điểm thi: Nguyễn Quang Hồng

Hà Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Nguyễn Mạnh Nhất

Nguyễn Mạnh Nhất

PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Lâm Thế Hùng
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH HÀ GIANG

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Phòng thi số: 03
Từ số báo danh: 03.01 đến số báo danh 03.22

TT	Số BD	Phòng thi	Họ đệm	Tên	Sinh ngày	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Đổi tượng ưu tiên	Đăng ký dự thi vào lớp chuyên (NV1)	Đăng ký nguyên vọng 2 (NV2)	ĐTBm đăng ký vào chuyên	ĐTB môn CN lớp 9	Điểm ưu tiên		Điểm thi các môn				Ghi chú
															Giải	Môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Môn Chuyên	
1	03.01	03	Ngô Minh	Quang	19 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Lê Lợi	03	Hóa học	KC	9.2	8.4			7.00	3.25	6.60	5.75	
2	03.02	03	Trần Tiến	Thắng	02 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi	03	Hóa học	KC	9.6	8.3			7.50	4.00	7.50	8.00	
3	03.03	03	Triệu Phương	Thanh	14 / 02 / 2006	Bắc Mê - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Yên Phú	03	Hóa học		8.4	8.1			1.00	3.50	5.10	1.00	
4	03.04	03	Mai Phương	Thảo	20 / 12 / 2006	Yên Minh - Hà Giang	Nữ	Tày	THCS TT huyện Yên Minh	03	Hóa học	KC	9.3	8.7	Ba	Hóa học	4.50	6.00	6.00	6.50	
5	03.05	03	Vũ Phương	Thảo	04 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Hóa học	KC	9.6	8.1			2.75	4.00	4.00	3.75	
6	03.06	03	Dương Đức	Thiện	18 / 04 / 2006	Bắc Mê - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Phú	03	Hóa học		7.7	7.6			0.25	2.25	5.20	0.50	
7	03.07	03	Nguyễn Phương	Thúy	04 / 05 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Lê Quý Đôn	03	Hóa học	KC	9.2	8.3			6.75	5.00	8.40	7.75	
8	03.08	03	Trần Hồng	Tiến	08 / 02 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi	03	Hóa học	KC	8.4	8.1			1.50	2.25	5.20	2.50	
9	03.09	03	Phạm Đình	Toàn	21 / 11 / 2006	Vị Xuyên - Hà Giang	Nam	Kinh	PTDTBT TH&THCS Xuân Minh	03	Hóa học	KC	8.5	8.2			1.50	2.25	3.70	3.50	
10	03.10	03	Vũ Đình	Toàn	18 / 06 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Hóa học		9.4	8.3			2.25	3.50	3.60	3.75	
11	03.11	03	Trần Thu	Trang	12 / 05 / 2006	Đoan Hùng - Phú Thọ	Nữ	Kinh	Trường THCS Đoan Hùng	03	Hóa học	KC	8.8	7.9			5.50	7.00	5.50	4.50	
12	03.12	03	Trương Vũ Mai	Trang	20 / 07 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nữ	Dao	Trường THCS Minh Khai	03	Hóa học	KC	9.3	7.9			0.50	4.50	4.00	5.75	
13	03.13	03	Lê Thế	Trung	26 / 01 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Hóa học	KC	8.3	7.8			3.00	4.50	4.20	2.75	
14	03.14	03	Nguyễn Minh	Trung	20 / 02 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Hóa học	KC	7.4	7.3			1.25	3.25	3.20	2.25	
15	03.15	03	Đinh Thế	Tuấn	06 / 05 / 2006	Huyện Krông Buk, Đắk Lắk	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Hóa học	KC	9.6	8.4			6.25	5.50	7.30	7.75	
16	03.16	03	Lê Anh	Tuấn	17 / 11 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Hóa học	KC	9.3	8.7			4.75	5.00	6.20	6.00	
17	03.17	03	Nguyễn Thế	Tùng	06 / 04 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Hóa học	KC	9.2	8.3			6.00	6.00	7.70	6.00	
18	03.18	03	Đặng Phúc	Vinh	13 / 02 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Hóa học	KC	7.4	7.6			3.00	4.50	6.00	3.50	
19	03.19	03	Ly Đức	Vinh	12 / 11 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Hmông	Trường THCS Yên Biên	03	Hóa học	KC	8.6	8.0			2.50	2.50	3.50	4.00	
20	03.20	03	Hoàng Hà	Vy	13 / 11 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Lê Lợi	03	Hóa học	KC	9.5	8.3			4.50	5.50	4.70	3.5	
21	03.21	03	Bùi Hải	Yến	06 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn	03	Hóa học	KC	9.4	8.3			7.00	6.00	7.30	5.75	
22	03.22	03	Phạm Hải	Yến	06 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Hóa học	KC	8.8	8.6			3.75	6.00	6.60	4.25	

NGƯỜI NHẬP, SOÁT ĐIỂM THI

Người đọc điểm thi: Lý Thị Thu Phương
 Người soát điểm thi 1: Bùi Thị Lê Văn
 Người soát điểm thi 2: Nguyễn Công Dũng
 Người nhập điểm thi: Nguyễn Quang Hùng

Hà Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Nguyễn Mạnh Nhất

**PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT
 KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lâm Thế Hùng

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Phòng thi số: 04
Từ số báo danh: 04.01 đến số báo danh 04.23

TT	Số BD	Phòng thi	Họ đệm	Tên	Sinh ngày	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Đổi tượng ưu tiên	Đăng ký dự thi vào lớp chuyên (NV1)	Đăng ký nguyện vọng 2 (NV2)	ĐTBm đăng ký vào chuyên	ĐTB môn CN lớp 9	Điểm ưu tiên		Điểm thi các môn				Ghi chú
															Giải	Môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Môn Chuyên	
1	04.01	04	Hoàng Thủy	Anh	05 / 12 / 2006	Đồng Văn - Hà Giang	Nữ	Hmông	Trường THCS Lê Lợi	03	Sinh học	KC	7.9	8.0			0.25	2.25	2.60	0.50	
2	04.02	04	Lê Trâm	Anh	08 / 10 / 2006	Thanh Hà - Hải Dương	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Sinh học	KC	9.0	8.1			0.75	4.25	5.30	3.50	
3	04.03	04	Mùng Việt	Anh	01 / 09 / 2006	Đồng Văn - Hà Giang	Nam	Lô Lô	Trường THCS Lê Quý Đôn	03	Sinh học	KC	7.3	8.4			7.75	6.25	8.00	6.25	
4	04.04	04	Nguyễn Trịnh Ngọc	Anh	19 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Sinh học	KC	7.6	6.8			3.75	4.50	6.40	2.75	
5	04.05	04	Lê Ngọc Minh	Châu	28 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Sinh học	KC	8.2	8.3			6.50	4.00	8.40	5.00	
6	04.06	04	Phạm Khánh	Chi	13 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Sinh học	KC	8.3	8.0			4.50	2.75	6.40	4.25	
7	04.07	04	Vũ Thị Linh	Chi	15 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Sinh học	KC	8.3	7.5			0.25	2.25	1.20	1.25	
8	04.08	04	Vương Quế	Chi	08 / 06 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Hmông	Trường THCS Yên Biên	03	Sinh học	KC	7.7	7.6			0.25	2.75	5.10	0.25	
9	04.09	04	Nguyễn Quốc	Đại	01 / 08 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Sinh học	KC	8.3	7.9			2.25	4.25	3.70	1.75	
10	04.10	04	Nguyễn Ngọc	Diệp	24 / 05 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Sinh học	KC	8.3	8.1			2.50	5.75	6.40	2.50	
11	04.11	04	Nguyễn Trí	Dũng	30 / 11 / 2006	Đồng Văn - Hà Giang	Nam	Nùng	Trường THCS Yên Biên	03	Sinh học	KC	7.8	7.5			2.25	4.25	4.20	1.75	
12	04.12	04	Đặng Nguyễn	Dương	10 / 04 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Quang Trung		Sinh học	KC	9.0	8.3			1.00	3.75	3.90	4.50	
13	04.13	04	Nông Việt	Hà	13 / 11 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nam	Giáy	THCS TTr huyện Yên Minh	03	Sinh học	KC	8.5	7.8			1.50	5.00	3.70	3.75	
14	04.14	04	Nguyễn Minh	Hải	13 / 06 / 2006	Quản Bạ - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Sinh học	KC	7.7	7.2			3.75	4.25	5.40	2.50	
15	04.15	04	Lê Ngọc Thu	Hằng	30 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Sinh học	KC	8.9	8.4			1.50	5.25	3.00	2.75	
16	04.16	04	Nguyễn Bùi Bích	Hằng	19 / 01 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Quang Trung		Sinh học	KC	9.1	8.4			2.50	6.00	3.50	3.00	
17	04.17	04	Nguyễn Thị	Hằng	25 / 02 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Yên Biên	03	Sinh học	KC	8.6	8.4			3.50	3.00	3.60	3.75	
18	04.18	04	Phạm Thu	Hiền	30 / 06 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Sinh học	KC	7.8	7.5			3.75	3.75	4.90	2.25	
19	04.19	04	Ngô Duy	Hiếu	02 / 05 / 2006	Bắc Mê - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Sinh học	KC	7.8	8.1			0.25	3.00	5.10	4.00	
20	04.20	04	Nguyễn Lê	Hoàng	26 / 05 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Sinh học	KC	8.4	8.1			6.75	4.75	6.30	7.50	
21	04.21	04	Nguyễn Việt	Hoàng	06 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Sinh học	KC	8.1	7.3			0.25	3.25	5.00	0.75	
22	04.22	04	Nguyễn Thúy	Hồng	15 / 11 / 2006	Việt Trì - Phú Thọ	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Sinh học	KC	7.2	7.5			2.25	2.00	5.30	1.00	
23	04.23	04	Bùi Khánh	Huyền	27 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Sinh học	KC	6.8	7.0			1.75	3.25	7.80	2.75	

NGƯỜI NHẬP, SOÁT ĐIỂM THI

Người đọc điểm thi: Lý Thị Thu Phương
 Người soát điểm thi 1: Nguyễn Văn Lê
 Người soát điểm thi 2: Nguyễn Công Dũng
 Người nhập điểm thi: Nguyễn Quang Hùng

Hà Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021
 PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Nguyễn Mạnh Nhất
 Nguyễn Mạnh Nhất

PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC

Lâm Thế Hùng
 Lâm Thế Hùng

BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	Số BD	Phòng thi	Họ đệm	Tên	Sinh ngày	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự thi vào lớp chuyên (NV1)	Đăng ký nguyện vọng 2 (NV2)	ĐTBm đăng ký vào chuyên	ĐTB môn CN lớp 9	Điểm ưu tiên		Điểm thi các môn				Ghi chú
															Giải	Môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Môn Chuyên	
1	05.01	05	Lê Thu	Huyền	10 / 08 / 2006	Ứng Hòa - Hà Tây	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Sinh học	KC	9.1	8.4			4.75	5.25	8.20	8.50	
2	05.02	05	Nguyễn Thanh	Loan	16 / 10 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Quang Trung		Sinh học	KC	8.1	8.1			1.00	4.00	3.50	1.00	
3	05.03	05	Nguyễn Khánh	Ly	30 / 11 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Sinh học	KC	8.1	7.7			4.00	3.50	5.50	4.50	
4	05.04	05	Trịnh Xuân	Mai	06 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Sinh học	KC	8.3	7.7			3.75	2.50	4.40	3.75	
5	05.05	05	Nguyễn Quang	Minh	03 / 08 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Sinh học	KC	7.6	7.9			5.00	5.00	7.80	5.75	
6	05.06	05	Đàm Anh Thảo	My	01 / 01 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Phương Thiện	03	Sinh học	KC	8.3	7.6			1.25	1.25	3.00	0.50	
7	05.07	05	Hoàng Vũ Giang	Nam	25 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Sinh học		7.9	7.0			1.00	2.25	4.10	1.00	
8	05.08	05	Lã Thu	Nga	07 / 07 / 2006	Hàm Yên - Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Sinh học	KC	8.9	8.0			3.00	4.75	3.40	4.75	
9	05.09	05	Trần Bảo	Ngọc	23 / 10 / 2006	TP Việt Trì - Phú Thọ	Nữ	Kinh	Trường THCS Ngọc Hà		Sinh học		8.5	8.0			3.75	3.50	2.60	2.75	
10	05.10	05	Triệu Xuân	Nhất	17 / 05 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Dao	Trường THCS Lê Quý Đôn	03	Sinh học	KC	7.6	7.6			6.25	5.75	4.70	5.00	
11	05.11	05	Lục Yến	Nhi	02 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Lê Lợi	03	Sinh học	KC	9.3	8.2			1.00	5.75	4.50	3.50	
12	05.12	05	Nguyễn Ngọc	Huyền	09 / 11 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Quang Trung		Sinh học		9.0	7.8			0.50	4.75	4.20	5.00	
13	05.13	05	Nguyễn Minh	Phương	06 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Sinh học	KC	8.7	7.8			4.75	7.00	7.00	6.25	
14	05.14	05	Hoàng Ngọc	Quyên	02 / 02 / 2006	Vị Xuyên - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS TTr Việt Lâm	03	Sinh học		8.7	8.1			0.25	3.00	4.00	1.00	
15	05.15	05	Hà Xuân	Sơn	26 / 02 / 2006	Nghĩa Đàn - Nghệ An	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Sinh học	KC	7.9	7.1			5.25	3.50	2.50	4.00	
16	05.16	05	Nguyễn Ngọc	Huyền	21 / 11 / 2006	Đồng Văn - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng		Sinh học		9.2	8.2	Nhất	Sinh học	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	
17	05.17	05	Nông Nhật	Lệ	03 / 01 / 2006	Yên Minh - Hà Giang	Nữ	Giấy	PTDTNT THCS&THPT Yên Minh	03	Sinh học	KC	8.4	8.0	Nhi	Sinh học	0.25	0.50	2.90	3.00	
18	05.18	05	Phạm Hồng	Liên	27 / 01 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Sinh học	KC	6.8	7.5			0.25	3.50	3.50	0.25	
19	05.19	05	Dương Phương	Linh	02 / 06 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Sinh học	KC	9.0	8.1			3.25	5.75	2.70	4.00	
20	05.20	05	Lê Thuý	Linh	17 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Sinh học	KC	9.0	8.9			7.50	6.25	9.10	8.25	
21	05.21	05	Phạm Khánh	Linh	09 / 02 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng		Sinh học	KC	9.3	8.8	Ba	Sinh học	5.75	5.75	8.30	7.25	
22	05.22	05	Phạm Vũ Khánh	Linh	19 / 11 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Quang Trung		Sinh học		8.7	8.4			0.50	4.50	3.10	4.50	

NGƯỜI NHẬP, SOÁT ĐIỂM THI

Người đọc điểm thi: Vũ Thị Thu Phụng
 Người soát điểm thi 1: Bùi Thái Lê Văn
 Người soát điểm thi 2: Nguyễn Công Dũng
 Người nhập điểm thi: Nguyễn Quang Hồng

Hà Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Nguyễn Mạnh Nhất
Nguyễn Mạnh Nhất

PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC

Lâm Thế Hùng

BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	Số BD	Phòng thi	Họ đệm	Tên	Sinh ngày	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự thi vào lớp chuyên (NV1)	Đăng ký nguyện vọng 2 (NV2)	ĐTBm đăng ký vào chuyên	ĐTB môn CN lớp 9	Điểm ưu tiên		Điểm thi các môn				Ghi chú
															Giải	Môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Môn Chuyên	
1	06.01	06	Hà Bằng	Tâm	13 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Lê Quý Đôn	03	Sinh học	KC	6.4	6.9			0.50	2.00	3.40	0.25	
2	06.02	06	Lê Văn	Thanh	23 / 10 / 2006	Tuyên Quang - Tuyên Quang	Nam	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Sinh học	KC	8.1	7.2			2.25	4.00	3.90	3.75	
3	06.03	06	Đình Hoàng	Phượng	30 / 04 / 2006	Đông Đa - Hà Nội	Nữ	Tày	Trường THCS Yên Biên	03	Sinh học	KC	9.4	8.9			4.25	4.00	8.30	8.25	
4	06.04	06	Lương Phương	Thảo	21 / 02 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Sinh học	KC	7.4	7.3			0.50	3.25	5.50	1.50	
5	06.05	06	Nguyễn Minh	Thư	08 / 11 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Sinh học	KC	9.0	8.3			1.00	3.00	3.40	2.25	
6	06.06	06	Nguyễn Thu	Thùy	31 / 01 / 2006	Yên Minh - Hà Giang	Nữ	Tày	THCS TT huyện Yên Minh	03	Sinh học	KC	8.5	8.6	Nhì	Sinh học	1.50	5.25	4.30	6.50	
7	06.07	06	Vũ Thanh	Thùy	23 / 08 / 2006	Vị Xuyên - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng		Sinh học		9.2	8.0			5.00	4.25	6.00	3.00	
8	06.08	06	Nông Việt	Tiến	02 / 08 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Lê Lợi	03	Sinh học	KC	8.5	7.5			0.00	0.75	2.50	0.75	
9	06.09	06	Nông Đức	Tôn	12 / 07 / 2006	Vị Xuyên - Hà Giang	Nam	Ngan	Trường THCS Kim Thạch	03	Sinh học	KC	8.6	8.1			0.25	0.75	3.20	0.75	
10	06.10	06	Nguyễn Mỹ Quỳnh	Trang	04 / 08 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Lê Lợi	03	Sinh học		7.6	6.9			Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	
11	06.11	06	Nguyễn Phương	Trang	25 / 06 / 2006	Bắc Mê - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Quang Trung		Sinh học	KC	7.8	7.9			0.50	2.00	2.30	3.00	
12	06.12	06	Phạm Kiều	Trang	22 / 06 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng		Sinh học	KC	9.2	8.4			5.00	6.00	4.40	6.75	
13	06.13	06	Trần Huyền	Trang	05 / 08 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Sinh học	KC	8.5	8.3			3.50	3.00	4.80	4.00	
14	06.14	06	Lê Đức	Trí	11 / 03 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Dao	Trường THCS Lê Quý Đôn	03	Sinh học	KC	6.8	7.1			4.25	4.75	4.60	1.00	
15	06.15	06	Nguyễn Ngọc Phương	Trình	15 / 11 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Sinh học	KC	8.9	8.2			2.25	5.00	5.40	4.50	
16	06.16	06	Chu Tuấn	Tú	07 / 07 / 2006	Hoàn Su Phi - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Vinh Quang		Sinh học	KC	8.5	7.3			2.25	4.25	3.10	1.75	
17	06.17	06	Đỗ Minh	Tuyết	12 / 06 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Sinh học	KC	7.5	7.5			3.50	5.00	4.20	1.75	
18	06.18	06	Bùi Tài	Vinh	26 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Sinh học	KC	8.0	7.8			0.75	2.25	3.70	0.50	
19	06.19	06	Lâm Quang	Vinh	11 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Quang Trung		Sinh học		7.6	7.5			0.25	3.25	2.90	0.25	
20	06.20	06	Phạm Khánh	Vinh	07 / 03 / 2006	Vị Xuyên - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Sinh học	KC	7.5	7.1			2.75	4.00	5.00	1.25	
21	06.21	06	Bùi Hải	Yến	23 / 03 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Sinh học	KC	7.3	7.5			0.50	4.25	2.10	0.50	
22	06.22	06	Hoàng Hải	Yến	16 / 09 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Tân Quang		Sinh học	KC	8.8	8.2			1.75	3.25	2.90	3.00	

NGƯỜI NHẬP, SOÁT ĐIỂM THI

Người đọc điểm thi: Lý Thị Thu Phương

Người soát điểm thi 1: Bùi Thị Ngọc Vân

Người soát điểm thi 2: Nguyễn Công Dũng

Người nhập điểm thi: ... Nguyễn Quang Hùng ...

Hà Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

gular

Nguyễn Mạnh Nhất

PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lâm Thế Hùng

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Phòng thi số: 07
Từ số báo danh: 07.01 đến số báo danh 07.22

TT	Số BD	Phòng thi	Họ đệm	Tên	Sinh ngày	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Đổi tượng ưu tiên	Đăng ký dự thi vào lớp chuyên (NV1)	Đăng ký nguyện vọng 2 (NV2)	ĐTBm đăng ký vào chuyên	ĐTB môn CN lớp 9	Điểm ưu tiên		Điểm thi các môn				Ghi chú
															Giải	Môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Môn Chuyên	
1	07.01	07	Nguyễn Vĩnh	An	27 / 10 / 2006	Bắc Mê - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Phú		T.Anh	KC	8.5	8.1			5.00	4.25	7.10	3.50	
2	07.02	07	Đỗ Phan Đức	Anh	11 / 08 / 2006	Yên Minh - Hà Giang	Nam	Kinh	PTDTNT THCS&THPT Yên Minh	03	T.Anh	KC	7.2	7.7			1.00	2.25	3.00	1.40	
3	07.03	07	Nguyễn Hoàng	Anh	27 / 09 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng		T.Anh	KC	9.1	8.4	Ba	T. Anh	7.50	5.75	9.90	7.10	
4	07.04	07	Phạm Nguyễn Nhật	Anh	05 / 01 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		T.Anh	KC	7.6	7.9			6.00	4.50	7.60	6.05	
5	07.05	07	Trần Đức	Anh	16 / 09 / 2006	Quản Bạ - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Tùng Vài	03	T.Anh	KC	8.8	8.2			1.00	2.25	6.20	2.50	
6	07.06	07	Vũ Trâm	Anh	03 / 11 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		T.Anh	KC	8.9	8.1			1.00	5.50	9.00	7.10	
7	07.07	07	Lương Tiểu	Băng	11 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		T.Anh		9.0	7.9			0.50	3.75	8.70	5.40	
8	07.08	07	Phùng Triệu	Châm	04 / 01 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	T.Anh	KC	8.5	7.6			1.75	4.75	6.90	3.50	
9	07.09	07	Kiều Ngọc	Diệp	20 / 03 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		T.Anh	KC	8.8	8.9			7.75	6.50	9.00	7.30	
10	07.10	07	Mai Hoàng	Đức	27 / 03 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Yên Biên	03	T.Anh	KC	9.0	8.3			5.25	3.75	9.30	6.40	
11	07.11	07	Nguyễn Thùy	Dung	28 / 11 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Lê Lợi	03	T.Anh	KC	7.9	7.8			0.50	3.75	5.40	1.80	
12	07.12	07	Giáp Trí	Dũng	26 / 11 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	T.Anh	KC	9.3	8.6			5.75	5.75	8.30	8.00	
13	07.13	07	Triệu Tiến	Dũng	12 / 06 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Dao	Trường THCS Lê Quý Đôn	03	T.Anh	KC	9.4	8.3	Nhi	T. Anh	5.25	4.25	9.10	7.75	
14	07.14	07	Nguyễn Thùy	Dương	14 / 08 / 2006	Hoàn Kiếm - Hà Nội	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		T.Anh	KC	9.0	8.9			8.00	5.50	8.10	5.10	
15	07.15	07	Phạm Thùy	Dương	24 / 10 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		T.Anh	KC	8.0	7.5			5.25	3.00	8.50	5.60	
16	07.16	07	Nghiêm Thị Hà	Duyên	04 / 10 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Lương Thế Vinh	03	T.Anh	KC	8.2	8.1			5.00	4.50	7.80	3.90	
17	07.17	07	Đặng Ngọc	Giang	20 / 06 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		T.Anh	KC	8.8	7.8			4.50	5.50	8.60	5.70	
18	07.18	07	Lê Ngọc	Hà	01 / 02 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		T.Anh	KC	9.5	8.9	Nhi	T. Anh	6.50	6.00	9.70	7.90	
19	07.19	07	Mai Ngọc	Hà	24 / 09 / 2006	Vị Xuyên - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		T.Anh	KC	9.4	8.8			3.25	6.50	8.20	5.50	
20	07.20	07	Nguyễn Phương	Hà	11 / 03 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		T.Anh	KC	9.2	8.3			7.00	7.00	9.50	7.45	
21	07.21	07	Nguyễn Hoàng	Hải	29 / 01 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		T.Anh	KC	9.2	8.8	Ba	T. Anh	6.50	6.75	9.70	7.50	
22	07.22	07	Nguyễn Trung	Hải	26 / 03 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		T.Anh	KC	8.7	8.5			6.25	5.25	8.80	6.40	

NGƯỜI NHẬP, SOÁT ĐIỂM THI

Người đọc điểm thi: Lý Thị Thu Phương
 Người soát điểm thi 1: Khúc Thị Lê Văn
 Người soát điểm thi 2: Nguyễn Công Dũng
 Người nhập điểm thi: Nguyễn Quang Hồng Ngọc

Hà Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Nguyễn Mạnh Nhất
 Nguyễn Mạnh Nhất

PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lâm Thế Hùng
 Lâm Thế Hùng

BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	Số BD	Phòng thi	Họ đệm	Tên	Sinh ngày	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Đổi tượng ưu tiên	Đăng ký dự thi vào lớp chuyên (NV1)	Đăng ký nguyện vọng 2 (NV2)	ĐTBm đăng ký vào chuyên	ĐTB môn CN lớp 9	Điểm ưu tiên		Điểm thi các môn				Ghi chú
															Giải	Môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Môn Chuyên	
1	08.01	08	Cần Thị Thu	Hằng	28 / 05 / 2006	Vị Xuyên - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng		T.Anh		9.7	9.6	Nhi	T. Anh	8.00	7.00	9.40	8.50	
2	08.02	08	Cao Thanh	Hiền	15 / 08 / 2006	Quang Bình - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lương Thế Vinh	03	T.Anh	KC	9.3	8.6			7.00	5.00	8.30	6.75	
3	08.03	08	Vũ Đức	Hiếu	23 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		T.Anh	KC	8.6	7.5			5.50	3.00	7.10	5.60	
4	08.04	08	Nguyễn Mạnh	Hùng	10 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		T.Anh	KC	9.2	8.2			3.50	1.00	8.90	7.50	
5	08.05	08	Nguyễn Thu	Hường	02 / 04 / 2006	Hoàng Su Phi - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Vinh Quang		T.Anh	KC	8.9	7.8			5.50	4.75	8.70	3.80	
6	08.06	08	Đỗ Thị Thu	Huyền	24 / 05 / 2006	Vị Xuyên - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng		T.Anh		9.0	9.1	Ba	T. Anh	7.00	5.75	9.60	7.20	
7	08.07	08	Nguyễn Ngọc Khánh	Huyền	02 / 06 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		T.Anh	KC	7.7	6.7			Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	
8	08.08	08	Trần Thị	Huyền	12 / 12 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Đạo Đức		T.Anh		9.3	9.1	Nhi	T. Anh	6.50	5.00	9.50	8.50	
9	08.09	08	Trần Anh	Khôi	04 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Hmông	Trường THCS Minh Khai	03	T.Anh	KC	9.4	8.8			6.50	6.75	9.50	8.35	
10	08.10	08	Phạm Mi	Lan	29 / 08 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		T.Anh	KC	8.3	8.4			6.25	6.25	8.30	4.95	
11	08.11	08	Phạm Thị Ngọc	Lan	11 / 10 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS TT Việt Lâm		T.Anh	KC	9.0	7.6			1.00	2.25	8.70	4.30	
12	08.12	08	Hoàng Quỳnh	Liên	26 / 08 / 2006	Bạch Mai - Đồng Đa - Hà	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		T.Anh	KC	9.3	7.6			4.25	4.25	8.50	6.45	
13	08.13	08	Nguyễn Chí	Linh	03 / 06 / 2006	Vĩnh Lộc - Thanh Hóa	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		T.Anh	KC	8.3	8.4			2.50	4.75	6.90	4.35	
14	08.14	08	Nguyễn Khánh	Linh	09 / 11 / 2006	Vị Xuyên - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng		T.Anh	KC	9.5	9.2	Nhi	T. Anh	8.50	6.50	9.40	7.45	
15	08.15	08	Nguyễn Khánh	Linh	24 / 07 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	T.Anh	KC	8.3	7.7			0.50	4.00	6.90	3.75	
16	08.16	08	Nguyễn Đức	Lương	27 / 11 / 2006	Đồng Văn - Hà Giang	Nam	Tày	Trường PTDTNT Đồng Văn	03	T.Anh	KC	9.4	7.7			1.25	4.25	7.50	5.65	
17	08.17	08	Đỗ Hương	Ly	07 / 03 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Tân Quang		T.Anh	KC	8.0	7.6			0.25	4.25	7.20	5.95	
18	08.18	08	Hoàng Khánh	Ly	13 / 09 / 2006	Bắc Mê - Hà Giang	Nữ	Ngạn	Trường THCS Yên Phú	03	T.Anh	KC	8.7	8.0			0.25	2.00	7.50	3.60	
19	08.19	08	Vũ Nhật	Mai	18 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		T.Anh	KC	9.0	8.8			5.25	3.75	9.10	4.20	
20	08.20	08	Mai Tuấn	Mạnh	11 / 08 / 2006	Khoái Châu- Hưng Yên	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		T.Anh	KC	9.5	8.6			6.25	5.50	9.20	6.95	
21	08.21	08	Nguyễn Duy	Mạnh	26 / 03 / 2006	Mèo Vạc - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		T.Anh	KC	8.1	7.0			5.25	4.50	8.60	7.15	
22	08.22	08	Đỗ Quang	Minh	21 / 01 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Sán Diu	Trường THCS Minh Khai	03	T.Anh	KC	8.6	7.8			4.00	4.75	9.20	6.05	

NGƯỜI NHẬP, SOÁT ĐIỂM THI

Người đọc điểm thi: Lý Thị Thu PhươngNgười soát điểm thi 1: Nguyễn Thị Lê VănNgười soát điểm thi 2: Nguyễn Công DũngNgười nhập điểm thi: Nguyễn Hoàng KỳHà Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Nguyễn Mạnh Nhất

PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	Số BD	Phòng thi	Họ đệm	Tên	Sinh ngày	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự thi vào lớp chuyên (NV1)	Đăng ký nguyện vọng 2 (NV2)	ĐTBm đăng ký vào chuyên	ĐTB môn CN lớp 9	Điểm ưu tiên		Điểm thi các môn				Ghi chú
															Giải	Môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Môn Chuyên	
1	09.01	09	Lưu Bảo	Ngọc	13 / 08 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		T.Anh	KC	9.0	7.4			2.50	6.00	9.50	6.45	
2	09.02	09	Phạm Thị	Nhi	31 / 05 / 2006	Yên Minh - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		T.Anh	KC	9.3	9.1			6.50	7.25	9.50	6.65	
3	09.03	09	Phạm Quỳnh	Nhung	21 / 04 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		T.Anh	KC	8.0	7.8			2.50	4.75	6.90	6.20	
4	09.04	09	Trần Vi	Quân	17 / 02 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		T.Anh	KC	8.0	7.3			2.25	1.75	8.00	5.80	
5	09.05	09	Đỗ Như	Quỳnh	28 / 12 / 2006	Vị Xuyên - Hà Giang	Nữ	Dao	Trường THCS Lý Tự Trọng	03	T.Anh	KC	9.0	8.5			4.50	6.75	8.90	6.75	
6	09.06	09	Phạm Nhất	Sơn	12 / 09 / 2006	Tuyên Quang - Tuyên Quang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		T.Anh	KC	7.6	7.2			0.00	2.75	8.60	5.50	
7	09.07	09	Nguyễn Thanh	Tâm	27 / 01 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		T.Anh	KC	8.9	7.5			4.50	4.50	8.90	7.45	
8	09.08	09	Nguyễn Thanh	Thảo	27 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		T.Anh	KC	8.8	8.6			6.00	6.25	8.50	5.95	
9	09.09	09	Nông Thanh	Thảo	23 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	T.Anh	KC	8.6	7.3			0.75	6.25	5.40	3.25	
10	09.10	09	Lê Hà	Thu	30 / 10 / 2006	Mèo Vạc - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		T.Anh	KC	7.9	8.3			0.50	5.00	5.70	3.80	
11	09.11	09	Nguyễn La Nhật	Thu	08 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		T.Anh	KC	9.1	8.4			1.50	5.50	8.10	6.60	
12	09.12	09	Tô Trần Phương	Thùy	21 / 04 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		T.Anh	KC	9.1	9.1			6.50	7.50	9.30	8.25	
13	09.13	09	Hoàng Mạnh	Toàn	21 / 05 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Yên Biên	03	T.Anh	KC	7.9	7.6			2.75	2.75	7.90	4.60	
14	09.14	09	Đỗ Thị Thùy	Trang	18 / 09 / 2006	Yên Minh - Hà Giang	Nữ	Kinh	THCS TTr huyện Yên Minh		T.Anh	KC	8.2	8.9			2.50	6.75	4.20	1.40	
15	09.15	09	Hoàng Thùy	Trang	10 / 07 / 2006	Thái Nguyên - Thái Nguyên	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		T.Anh	KC	8.2	8.3			4.75	6.75	9.10	7.40	
16	09.16	09	Nguyễn Thùy	Trang	01 / 01 / 2006	Vị Xuyên - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng		T.Anh	KC	9.7	8.9	Nhi	T. Anh	6.75	5.50	9.50	8.30	
17	09.17	09	Chu Quốc	Trường	02 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		T.Anh	KC	8.2	8.1			5.00	2.75	6.80	6.35	
18	09.18	09	Nguyễn Anh	Tú	31 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		T.Anh	KC	7.9	7.5			2.25	3.00	6.40	5.65	
19	09.19	09	Đàm Anh	Tuấn	03 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai	03	T.Anh	KC	8.5	7.7			1.75	5.75	8.50	6.55	
20	09.20	09	Đoàn Duy	Tùng	31 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		T.Anh	KC	8.7	8.8			6.00	6.00	8.20	5.25	
21	09.21	09	Nguyễn Hoàng	Vũ	20 / 04 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		T.Anh	KC	9.3	8.5	Nhất	T. Anh	7.25	7.50	9.00	7.95	
22	09.22	09	Trần Long	Vũ	29 / 05 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		T.Anh	KC	8.9	7.7			3.00	4.00	7.90	4.20	

NGƯỜI NHẬP, SOÁT ĐIỂM THI

Người đọc điểm thi: Lý Thị Thu PhươngNgười soát điểm thi 1: Bùi Thị Lê VănNgười soát điểm thi 2: Nguyễn Công ĐăngNgười nhập điểm thi: Nguyễn Quang HùngHà Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Nguyễn Mạnh Nhất

PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lâm Thế Hùng

BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	Số BD	Phòng thi	Họ đệm	Tên	Sinh ngày	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm tương đương ưu tiên	Đăng ký dự thi vào lớp chuyên (NV1)	Đăng ký nguyện vọng 2 (NV2)	ĐTBm đăng ký vào chuyên	ĐTB môn CN lớp 9	Điểm ưu tiên		Điểm thi các môn				Ghi chú
															Giải	Môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Môn Chuyên	
1	10.01	10	Nguyễn Thái	An	21 / 03 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Toán	Tin	9.0	8.2	Nhi	Toán	9.00	6.00	8.70	5.50	
2	10.02	10	Nguyễn Bảo	Anh	16 / 03 / 2006	Mèo Vạc - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Toán	Tin	9.6	9.2			6.50	7.75	8.70	6.75	
3	10.03	10	Trần Đức	Anh	04 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	PTCS Trần Quốc Tuấn, Hà Nội		Toán	Tin	7.5	7.8			6.75	4.75	6.90	5.50	
4	10.04	10	Lưu Quỳnh	Ánh	12 / 01 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Toán	KC	9.4	8.6			7.25	7.50	8.70	4.50	
5	10.05	10	Nguyễn Hà	Ánh	10 / 06 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Toán	Tin	8.0	8.1			3.75	6.00	4.40	3.00	
6	10.06	10	Phạm Ngọc	Ánh	07 / 05 / 2006	Quản Bạ - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng		Toán	KC	9.0	9.1	Nhi	Sinh học	7.25	7.75	8.40	6.75	
7	10.07	10	Lê Đức	Bình	06 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Toán	KC	8.8	8.5			7.25	5.50	8.90	5.25	
8	10.08	10	Vũ Đại	Bình	25 / 08 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Toán	Tin	9.1	8.6			7.75	5.75	8.60	6.00	
9	10.09	10	Phan Hoàng Minh	Châu	27 / 05 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Lê Lợi	03	Toán	Tin	8.5	8.5			0.00	1.25	3.60	0.25	
10	10.10	10	Lục Minh	Chi	13 / 05 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Lê Quý Đôn	03	Toán	Tin	8.1	8.5			6.25	8.00	8.40	4.75	
11	10.11	10	Trần Mạnh	Cường	26 / 11 / 2006	Vị Xuyên - Hà Giang	Nam	Giáy	Trường THCS Lý Tự Trọng	03	Toán	Tin	9.7	9.2	Nhất	Toán	9.00	6.75	8.80	9.25	
12	10.12	10	Trịnh Duy	Đạt	02 / 07 / 2006	Quản Bạ - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Toán	Tin	6.6	6.9			2.25	2.75	2.30	2.25	
13	10.13	10	Hoàng Thái	Đôn	17 / 11 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng		Toán	Tin	8.7	9.1			7.75	5.50	7.90	8.25	
14	10.14	10	Vũ Anh	Đức	16 / 04 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai	03	Toán	Tin	9.7	8.9	Nhất	Hóa học	7.00	6.75	8.80	7.50	
15	10.15	10	Nguyễn Thùy	Dung	05 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Toán	Tin	8.0	8.3			5.50	5.25	5.30	4.50	
16	10.16	10	Nguyễn Thùy	Dung	12 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Toán	Tin	8.2	8.0			6.50	4.00	4.10	3.25	
17	10.17	10	Phạm Quang	Dương	29 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Toán	Tin	8.5	8.1			6.25	7.25	6.10	7.50	
18	10.18	10	Ban Sơn	Hà	27 / 04 / 2006	Vị Xuyên - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Lý Tự Trọng	03	Toán	Tin	9.2	9.0			7.75	5.25	9.30	7.75	
19	10.19	10	Nguyễn Bảo	Hà	02 / 03 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Toán	Tin	8.9	8.4	Ba	Tin học	7.25	7.00	7.20	7.25	
20	10.20	10	Trần Việt	Hà	06 / 10 / 2006	Bắc Mê - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Toán	KC	8.1	8.3			2.00	3.00	2.50	3.50	
21	10.21	10	Nguyễn Linh	Hải	23 / 01 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Toán	Tin	7.3	7.2			1.50	0.75	4.10	3.00	
22	10.22	10	Sử Hồng	Hải	24 / 02 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Toán	Tin	9.8	9.3	Ba	Toán	9.00	7.00	9.30	9.25	

NGƯỜI NHẬP, SOÁT ĐIỂM THI

Người đọc điểm thi: ...*Nguyễn Thị Thu Phương*...Người soát điểm thi 1: ...*Bùi Thị Lê Văn*...Người soát điểm thi 2: ...*Nguyễn Công Dũng*...Người nhập điểm thi: ...*Nguyễn Quang Hồng*...Hà Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI*Nguyễn Mạnh Nhất*

Nguyễn Mạnh Nhất

PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

KẾ GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hùng
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH HÀ GIANG
Lâm Thế Hùng

BẢNG GHI ĐIỂM THI

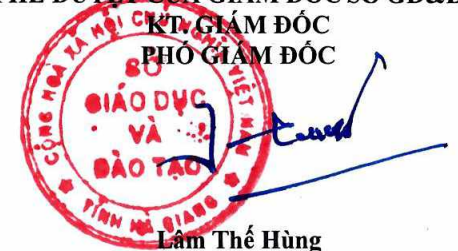
TT	Số BD	Phòng thi	Họ đệm	Tên	Sinh ngày	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Đổi tượng ưu tiên	Đăng ký dự thi vào lớp chuyên (NV1)	Đăng ký nguyện vọng 2 (NV2)	ĐTBm đăng ký vào chuyên	ĐTB môn CN lớp 9	Điểm ưu tiên		Điểm thi các môn				Ghi chú
															Giải	Môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Môn Chuyên	
1	11.01	11	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	10 / 05 / 2006	Đồng Văn - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Toán	KC	7.9	7.8			6.50	5.75	5.00	3.25	
2	11.02	11	Nguyễn Thúy	Hiền	14 / 04 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Toán	Tin	8.5	8.8			7.50	6.50	8.90	5.75	
3	11.03	11	Nguyễn Công	Hiếu	04 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Toán	Tin	8.7	7.9			5.50	5.75	6.70	0.50	
4	11.04	11	Vũ Đức	Hiếu	20 / 09 / 2006	Hoàn Kiếm - Hà Nội	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Toán	Tin	9.8	8.7			9.00	7.00	8.00	8.75	
5	11.05	11	Trần Quang	Hoàn	25 / 06 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Toán	Tin	8.9	8.7			7.75	6.00	6.80	6.75	
6	11.06	11	Hoàng Vũ	Hoàng	13 / 08 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Phú		Toán	Tin	8.5	7.8			7.00	3.25	4.70	2.50	
7	11.07	11	Trần Việt	Hoàng	24 / 12 / 2006	Vị Xuyên - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng		Toán	Tin	9.6	9.2	Nhi	Toán	8.75	6.25	8.00	7.50	
8	11.08	11	Trần Lan	Hương	25 / 09 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Lê Quý Đôn	03	Toán	KC	7.8	7.9			7.25	4.75	8.20	4.00	
9	11.09	11	Phùng Quốc	Huy	16 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Toán	Tin	7.0	7.5			2.50	2.25	8.00	2.50	
10	11.10	11	Hoàng Nam	Khánh	07 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Toán	Tin	9.6	9.2			8.00	8.00	8.90	5.75	
11	11.11	11	Mai Trọng	Khiêm	05 / 05 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Toán	KC	8.8	7.1			6.25	6.00	6.00	7.25	
12	11.12	11	Nguyễn Việt	Khuê	08 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi	03	Toán	Tin	9.6	8.4			8.00	7.75	7.00	5.50	
13	11.13	11	Dương Tùng	Lâm	11 / 02 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Toán	Tin	9.2	9.0			8.50	6.00	9.10	8.00	
14	11.14	11	Hoàng Thị Khánh	Linh	16 / 04 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Toán	Tin	8.2	8.0			3.00	3.00	4.00	0.25	
15	11.15	11	Nguyễn Phương	Linh	02 / 03 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Toán	KC	9.0	8.9			6.00	6.50	9.50	6.00	
16	11.16	11	Trịnh Khánh	Linh	22 / 05 / 2006	Vị Xuyên - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Toán	Tin	8.6	9.1			7.00	6.75	7.40	5.25	
17	11.17	11	Vương Lưu	Ly	10 / 04 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Hmông	Trường THCS Minh Khai	03	Toán	Tin	7.8	7.4			6.00	3.75	6.80	3.00	
18	11.18	11	Trịnh Duy	Mạnh	22 / 02 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Nguyễn Huệ		Toán	Tin	8.1	8.3			3.00	3.50	6.90	3.75	
19	11.19	11	Lê Quang	Minh	07 / 06 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Toán	Tin	8.4	7.6			6.25	5.50	7.20	5.25	
20	11.20	11	Mai Quang	Minh	03 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Lê Quý Đôn		Toán	KC	8.7	8.3			6.25	5.50	8.20	7.75	
21	11.21	11	Nguyễn Anh	Minh	28 / 12 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Hùng An		Toán	Tin	9.2	7.9			5.50	5.00	6.50	4.00	
22	11.22	11	Nguyễn Nhật	Minh	19 / 05 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Toán	Tin	8.0	7.2			3.50	1.25	4.80	0.00	

NGƯỜI NHẬP, SOÁT ĐIỂM THI

Người đọc điểm thi: Lưu Thị Thu PhươngNgười soát điểm thi 1: Bùi Thị Lê VănNgười soát điểm thi 2: Nguyễn Công DũngNgười nhập điểm thi: Nguyễn Quang HồngHà Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THINguyễn Mạnh Nhất

Nguyễn Mạnh Nhất

PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT


 KÝ GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Lâm Thế Hùng

BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	Số BD	Phòng thi	Họ đệm	Tên	Sinh ngày	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm tương đương ưu tiên	Đăng ký dự thi vào lớp chuyên (NV1)	Đăng ký nguyện vọng 2 (NV2)	ĐTBm đăng ký vào chuyên	ĐTB môn CN lớp 9	Điểm ưu tiên		Điểm thi các môn				Ghi chú
															Giải	Môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Môn Chuyên	
1	12.01	12	Phạm Thành	Nam	07 / 07 / 2006	Bắc Quang- Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Toán	Tin	8.6	8.6	Ba	Hóa học	9.00	6.50	8.00	6.50	
2	12.02	12	Nguyễn Hồng	Ngọc	04 / 06 / 2006	Ba Đình - Hà Nội	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Toán	Tin	9.0	9.1	Nhi	Tin học	8.25	7.75	9.60	7.25	
3	12.03	12	Hà Mạnh	Nhất	02 / 08 / 2006	Hoàng Su Phì - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Toán	Tin	8.6	8.2			6.75	5.75	8.00	4.25	
4	12.04	12	Vũ Quỳnh	Như	09 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Toán	KC	8.1	8.1			7.25	6.50	8.60	6.50	
5	12.05	12	Lưu Trường	Phúc	11 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Toán	Tin	8.0	8.5			8.75	6.50	8.70	7.00	
6	12.06	12	Vũ Bá	Phúc	05 / 04 / 2006	Bắc Mê - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Phú		Toán	Tin	8.5	8.0			2.25	3.75	4.60	1.75	
7	12.07	12	Nguyễn Ngọc	Phương	23 / 08 / 2006	ý Yên - Nam Định	Nữ	Kinh	Trường THCS Ngọc Hà		Toán	Tin	9.5	8.7			7.00	6.25	9.00	5.25	
8	12.08	12	Nguyễn Ngọc	Phượng	02 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Phương Độ	03	Toán	Tin	8.6	8.7			6.50	3.00	5.40	3.25	
9	12.09	12	Nguyễn Như	Quỳnh	04 / 02 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Toán	Tin	9.4	9.2			6.25	6.50	8.50	6.75	
10	12.10	12	Trịnh Nguyễn Như	Quỳnh	22 / 09 / 2006	Vị Xuyên - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng		Toán	KC	8.7	8.2			8.25	7.00	7.00	6.00	
11	12.11	12	Giảng Thành	Son	17 / 06 / 2006	Đồng Văn - Hà Giang	Nam	Hmông	Trường THCS Đồng Văn	03	Toán	Tin	9.6	8.4			6.25	2.00	4.50	3.25	
12	12.12	12	Vũ Đình	Tân	19 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Toán	Tin	8.2	8.1			7.25	6.50	6.60	7.00	
13	12.13	12	Trần Thị Phương	Thảo	08 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Toán	Tin	8.1	7.8			3.00	5.50	4.80	3.75	
14	12.14	12	Nguyễn Trần	Tiến	18 / 05 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng		Toán	Tin	9.5	9.1	Nhi	Toán	9.00	6.00	6.70	9.75	
15	12.15	12	Phạm Vũ	Tiến	17 / 11 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lương Thế Vinh		Toán		9.4	8.4			7.25	5.25	7.00	6.75	
16	12.16	12	Lê Mai	Trang	12 / 09 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Vinh Quang		Toán	Tin	8.9	8.3			5.00	7.00	8.30	4.50	
17	12.17	12	Nguyễn Thanh	Trang	17 / 04 / 2006	Quản Bạ - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Toán	Tin	8.6	8.0			6.25	4.25	7.10	5.25	
18	12.18	12	Đào Trọng	Tuấn	09 / 05 / 2006	Ba Đình - Hà Nội	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Toán	Tin	9.0	9.0			8.00	6.00	8.70	8.50	
19	12.19	12	Nguyễn Mạnh	Tuấn	27 / 04 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Toán	Tin	8.3	7.5			4.50	3.75	3.80	5.50	
20	12.20	12	Mai Quốc	Tùng	14 / 02 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Toán	Tin	7.6	8.1			4.25	4.00	4.50	3.00	
21	12.21	12	Vũ Ngọc	Vân	05 / 11 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Ngọc Hà	03	Toán	Tin	9.8	8.8			8.50	7.25	8.90	8.75	
22	12.22	12	Phạm Quốc	Việt	09 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Toán	Tin	9.4	8.1			5.75	5.50	7.50	5.75	

NGƯỜI NHẬP, SOÁT ĐIỂM THI

Người đọc điểm thi: Nguyễn Thị Thu PhươngNgười soát điểm thi 1: Bùi Thị Lê VănNgười soát điểm thi 2: Nguyễn Công DũngNgười nhập điểm thi: Nguyễn Quang HùngHà Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Nguyễn Mạnh Nhất

PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

KỲ GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	Số BD	Phòng thi	Họ đệm	Tên	Sinh ngày	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm tương đương ưu tiên	Đăng ký dự thi vào lớp chuyên (NV1)	Đăng ký nguyện vọng 2 (NV2)	ĐTBm đăng ký vào chuyên	ĐTB môn CN lớp 9	Điểm ưu tiên		Điểm thi các môn				Ghi chú
															Giải	Môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Môn Chuyên	
1	13.01	13	Bùi Phương	Anh	25 / 01 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Ngữ văn	KC	7.9	8.4			1.00	2.50	5.30	5.50	
2	13.02	13	Đỗ Ngọc	Anh	26 / 12 / 2006	TP Thái Nguyên - Thái Nguyên	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Ngữ văn	KC	7.6	8.6			1.00	5.25	5.00	5.75	
3	13.03	13	Hoàng Thị Vân	Anh	27 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Yên Biên	03	Ngữ văn	KC	8.0	8.4			2.50	4.50	6.30	6.00	
4	13.04	13	Linh Đức	Anh	21 / 12 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Lương Thế Vinh	03	Ngữ văn	KC	7.8	8.1			1.25	6.00	6.00	5.25	
5	13.05	13	Nguyễn Lan	Anh	05 / 11 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Ngữ văn	KC	6.8	7.7			2.50	5.25	5.20	4.75	
6	13.06	13	Nguyễn Thị Phương	Anh	11 / 05 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Ngữ văn	KC	6.9	7.6			3.50	3.25	6.60	6.25	
7	13.07	13	Nguyễn Thị Thùy	Anh	03 / 03 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Ngữ văn		8.3	8.0			3.75	7.00	5.40	6.50	
8	13.08	13	Phạm Tâm	Anh	06 / 02 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Ngữ văn	KC	8.2	8.4			2.75	5.25	4.70	5.50	
9	13.09	13	Vũ Kiều	Anh	02 / 05 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Ngữ văn	KC	8.5	8.4			3.00	6.25	4.30	6.50	
10	13.10	13	Vương Ngọc	Anh	11 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Ngữ văn	KC	7.7	8.3			2.75	5.75	3.50	6.00	
11	13.11	13	Lê Hải	Ánh	11 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Yên Biên	03	Ngữ văn	KC	8.4	8.6			6.25	5.25	6.80	5.25	
12	13.12	13	Cao Nguyễn Linh	Chi	01 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Ngữ văn	KC	8.6	8.1			4.50	5.25	7.30	5.75	
13	13.13	13	Lương Huệ	Chi	01 / 11 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Lý Tự Trọng	03	Ngữ văn	KC	8.1	8.3			7.00	5.25	5.10	5.75	
14	13.14	13	Phạm Thủy	Dịu	09 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Ngữ văn	KC	8.7	8.7			6.00	5.00	6.80	6.50	
15	13.15	13	Nguyễn Thành	Đô	30 / 01 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Ngữ văn	KC	8.4	9.0			7.00	6.25	6.00	7.25	
16	13.16	13	Mai Anh	Đức	08 / 11 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi	03	Ngữ văn		5.9	7.4			5.00	2.50	3.50	3.75	
17	13.17	13	Nguyễn Mạnh	Đức	13 / 10 / 2006	Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	THCS-THPT Trần Quốc Tuấn		Ngữ văn	KC	7.9	7.5			5.50	5.00	4.50	6.00	
18	13.18	13	Mai Hương	Giang	22 / 02 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Ngữ văn	KC	7.2	7.9			1.25	2.50	7.40	6.50	
19	13.19	13	Nguyễn Hương	Giang	17 / 03 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Ngữ văn	KC	7.9	7.6			2.50	6.25	6.00	7.00	
20	13.20	13	Vũ Hương	Giang	22 / 03 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Ngữ văn	KC	8.2	8.2			2.75	6.25	5.90	6.50	
21	13.21	13	Trần Hồng	Hạnh	30 / 07 / 2006	Hoàng Su Phì - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng		Ngữ văn	KC	8.2	7.8			2.50	6.50	4.70	6.50	
22	13.22	13	Trần Thị	Hiền	19 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Yên Biên	03	Ngữ văn	KC	8.5	8.6			5.50	3.00	5.10	6.00	
23	13.23	13	Bùi Lộc	Hiếu	17 / 11 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Giáy	Trường THCS Yên Biên	03	Ngữ văn	KC	8.1	7.8			3.75	4.75	6.30	6.00	
24	13.24	13	Hoàng Thu	Hiếu	01 / 10 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Ngữ văn	KC	7.8	6.9			1.50	3.75	5.70	4.25	

NGƯỜI NHẬP, SOÁT ĐIỂM THI

Người đọc điểm thi: Nguyễn Thị Thu PhươngNgười soát điểm thi 1: Hoàng Thị VânNgười soát điểm thi 2: Nguyễn Công DũngNgười nhập điểm thi: Nguyễn Quang HùngHà Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THINguyễn Mạnh Nhất

Nguyễn Mạnh Nhất

PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Nhất

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH HÀ GIANG

Nguyễn Mạnh Nhất

BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	Số BD	Phòng thi	Họ đệm	Tên	Sinh ngày	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm tương đương ưu tiên	Đăng ký dự thi vào lớp chuyên (NV1)	Đăng ký nguyện vọng 2 (NV2)	ĐTBm đăng ký vào chuyên	ĐTB môn CN lớp 9	Điểm ưu tiên		Điểm thi các môn				Ghi chú
															Giải	Môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Môn Chuyên	
1	14.01	14	Lưu Quang	Hiếu	24 / 08 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Ngữ văn	KC	7.7	8.2			6.25	6.25	7.60	7.00	
2	14.02	14	Dương Quỳnh	Hương	26 / 04 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Ngữ văn	KC	8.2	8.5			3.75	6.75	7.20	7.00	
3	14.03	14	Hứa Thu	Hương	29 / 08 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Yên Biên	03	Ngữ văn	KC	8.5	8.5			1.50	5.00	4.60	6.50	
4	14.04	14	Đỗ Khánh	Huyền	22 / 03 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Ngữ văn	KC	7.4	7.5			2.25	4.75	5.80	5.25	
5	14.05	14	Phạm Thanh	Huyền	17 / 01 / 2006	Hoàn Kiếm - Hà Nội	Nữ	Kinh	Trường THCS Nguyễn Trãi	03	Ngữ văn	KC	8.5	8.4			2.25	5.75	6.10	5.00	
6	14.06	14	Bùi Thùy	Linh	02 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Ngữ văn	KC	7.5	7.9			2.75	6.00	5.90	5.75	
7	14.07	14	Nguyễn Lý Khánh	Linh	12 / 06 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Nguyễn Trãi	03	Ngữ văn	KC	7.0	6.9			1.00	4.00	5.30	4.50	
8	14.08	14	Nguyễn Thùy	Linh	15 / 06 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Ngữ văn	KC	8.0	8.7			5.50	7.00	6.60	7.25	
9	14.09	14	Nguyễn Thùy	Linh	18 / 04 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Ngữ văn	KC	7.1	8.0			3.25	4.75	7.90	7.25	
10	14.10	14	Phạm Hứa Hà	Linh	31 / 05 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Ngữ văn	KC	7.0	7.7			3.00	4.50	6.70	7.00	
11	14.11	14	Hoàng Bích	Loan	03 / 11 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Yên Biên	03	Ngữ văn	KC	8.0	8.0			2.25	4.00	6.20	6.00	
12	14.12	14	Hoàng Thị Huyền	Mai	30 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Ngữ văn	KC	8.8	8.3			2.50	5.75	8.20	7.50	
13	14.13	14	Hoàng Tuyết	Mai	01 / 08 / 2006	Quang Bình - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Yên Bình	03	Ngữ văn	KC	8.3	8.5			4.50	5.75	5.90	6.00	
14	14.14	14	Trần Ngọc	Mai	28 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Ngữ văn	KC	7.3	7.8			2.50	5.00	2.80	5.25	
15	14.15	14	Lê Trà	My	14 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Ngữ văn	KC	8.1	8.3			2.50	5.50	7.70	7.00	
16	14.16	14	Nông Trà	My	04 / 01 / 2006	TX Cao Bằng - Cao Bằng	Nữ	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Ngữ văn		8.0	8.6			4.50	5.00	7.00	6.50	
17	14.17	14	Trần Hà	My	25 / 07 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Ngữ văn	KC	8.7	8.3			6.50	7.25	5.70	7.50	
18	14.18	14	Trần Hà	My	29 / 06 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Ngữ văn	KC	6.2	7.5			0.50	2.00	2.50	5.00	
19	14.19	14	Phạm Hải	Nga	24 / 05 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Ngữ văn	KC	8.9	9.2	Ba	Ngữ văn	7.75	6.75	7.70	7.00	
20	14.20	14	Lê Bảo	Ngọc	09 / 03 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên	03	Ngữ văn	KC	8.9	8.9			8.00	6.75	6.80	6.75	
21	14.21	14	Lý Bảo	Ngọc	25 / 10 / 2006	TX Tuyên Quang - Tuyên Quang	Nữ	Tày	Trường THCS Lê Quý Đôn	03	Ngữ văn	KC	8.3	7.6			4.75	6.00	7.50	7.25	
22	14.22	14	Nguyễn Thúy	Ngọc	07 / 09 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Ngữ văn	KC	8.4	8.0			3.25	5.75	5.60	6.00	
23	14.23	14	Nguyễn Yến	Ngọc	18 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Ngữ văn	KC	8.4	8.3			4.75	5.75	6.20	6.50	
24	14.24	14	Phan Thông	Ngọc	19 / 01 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Pu Y	Trường THCS Minh Khai	03	Ngữ văn		7.3	7.3			0.75	3.25	4.80	5.25	

NGƯỜI NHẬP, SOÁT ĐIỂM THI

Người đọc điểm thi: Lý Thị Thu PhươngNgười soát điểm thi 1: Bùi Thị Lê VănNgười soát điểm thi 2: Nguyễn Công DũngNgười nhập điểm thi: Nguyễn Quang HồngHà Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Nguyễn Mạnh Nhất

PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lâm Thế Hùng

BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	Số BD	Phòng thi	Họ đệm	Tên	Sinh ngày	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm tương đương ưu tiên	Đăng ký dự thi vào lớp chuyên (NV1)	Đăng ký nguyện vọng 2 (NV2)	ĐTBm đăng ký vào chuyên	ĐTB môn CN lớp 9	Điểm ưu tiên		Điểm thi các môn				Ghi chú
															Giải	Môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Môn Chuyên	
1	15.01	15	Nguyễn Thanh	Nhân	26 / 06 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Lê Lợi	03	Ngữ văn	KC	6.6	7.7			2.25	5.50	4.50	4.75	
2	15.02	15	Đỗ Khánh	Nhi	31 / 01 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Ngữ văn	KC	8.8	8.8			4.75	7.50	7.70	7.00	
3	15.03	15	Đỗ Ngọc Quỳnh	Nhi	18 / 06 / 2006	TP Huế - Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Ngữ văn	KC	7.8	8.5			3.75	6.00	4.70	6.00	
4	15.04	15	Trần Cao Bảo	Nhi	05 / 04 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Ngữ văn	KC	8.2	8.5			6.00	7.50	8.50	7.25	
5	15.05	15	Trần Ngân	Nhi	03 / 05 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Ngữ văn	KC	8.5	8.5			4.75	3.00	7.40	4.25	
6	15.06	15	Nguyễn Quỳnh	Như	07 / 08 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Ngữ văn	KC	7.9	8.0			4.75	7.25	6.70	6.25	
7	15.07	15	Mai Đỗ Hồng	Nhung	03 / 11 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Ngữ văn	KC	8.2	8.5			3.00	2.75	4.70	2.25	
8	15.08	15	Nguyễn Thị Thu	Phương	07 / 01 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Ngọc Hà		Ngữ văn	KC	8.3	8.2			2.75	6.75	5.50	5.50	
9	15.09	15	Nguyễn Hạnh	Quyên	12 / 11 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Lê Quý Đôn	03	Ngữ văn	KC	8.8	8.5	Ba	Ngữ văn	6.75	6.50	8.20	7.00	
10	15.10	15	Lý Thái	Son	26 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Ngữ văn	KC	7.6	8.0			4.00	5.50	8.50	6.50	
11	15.11	15	Bùi Minh	Tâm	07 / 08 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Ngữ văn	KC	8.0	7.9			3.00	5.75	5.40	6.75	
12	15.12	15	Hà Thị Thanh	Tâm	10 / 11 / 2006	Cẩm Khê - Phú Thọ	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Ngữ văn	KC	9.0	8.9	Ba	Ngữ văn	5.25	7.25	7.90	7.75	
13	15.13	15	Nguyễn Hương	Thảo	13 / 06 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Ngữ văn	KC	7.6	7.6			5.25	6.00	7.90	7.00	
14	15.14	15	Trần Bảo	Thoa	30 / 04 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Ngữ văn	KC	6.7	7.0			3.00	4.50	5.60	6.00	
15	15.15	15	Bùi Minh	Thư	01 / 02 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Ngữ văn	KC	8.8	8.7			5.50	6.75	6.50	7.50	
16	15.16	15	Lê Anh	Thư	26 / 02 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Ngữ văn	KC	7.6	7.5			3.25	6.75	6.70	7.00	
17	15.17	15	Phạm Anh	Thư	04 / 07 / 2006	Bắc Mê - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Ngữ văn	KC	8.0	8.9	Nhi	Địa lý	6.75	6.25	7.20	5.75	
18	15.18	15	Trần Huyền	Trang	29 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Ngữ văn	KC	8.6	8.6			5.75	4.50	5.60	6.50	
19	15.19	15	Vũ Hà	Trang	13 / 08 / 2006	Tuyên Quang - Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Bình		Ngữ văn	KC	8.6	8.3			6.00	6.75	6.20	6.75	
20	15.20	15	Nguyễn Thị Minh	Tú	29 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Ngữ văn	KC	7.3	7.7			5.50	6.75	5.30	5.50	
21	15.21	15	Cao Hà	Vy	08 / 07 / 2006	Hàm Yên - Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Ngữ văn	KC	8.2	8.7			4.50	3.75	5.10	5.75	
22	15.22	15	Nguyễn Yến	Vy	06 / 03 / 2006	Vị Xuyên - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng		Ngữ văn	KC	6.9	7.9			3.50	5.00	5.80	5.00	
23	15.23	15	Nguyễn Hoàng	Yến	15 / 09 / 2006	TP Lào Cai - Lào Cai	Nữ	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Ngữ văn	KC	8.3	8.6	Nhất	Địa lý	4.50	6.75	6.90	6.75	
24	15.24	15	Nguyễn Hồ Trúc	Ngân	05 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Tày	PTDTBT THCS Mậu Duệ	03	Ngữ Văn	KC	8.7	8.4			1.75	7.00	4.50	6.00	

NGƯỜI NHẬP, SOÁT ĐIỂM THI

Người đọc điểm thi: *Nguyễn Thị Thu Dung*Người soát điểm thi 1: *Bùi Thị Lê Văn*Người soát điểm thi 2: *Nguyễn Công Dũng*Người nhập điểm thi: *Nguyễn Hoàng Hồng*Hà Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI*Nguyễn Mạnh Nhất*

Nguyễn Mạnh Nhất

PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Lâm Thế Hùng
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH HÀ GIANG

BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	Số BD	Phòng thi	Họ đệm	Tên	Sinh ngày	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm tương đương ưu tiên	Đăng ký dự thi vào lớp chuyên (NV1)	Đăng ký nguyện vọng 2 (NV2)	ĐTBm đăng ký vào chuyên	ĐTB môn CN lớp 9	Điểm ưu tiên		Điểm thi các môn				Ghi chú
															Giải	Môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Môn Chuyên	
1	16.01	16	Nguyễn Việt	Anh	28 / 03 / 2006	Tuyên Quang - Tuyên Quang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Vật lý	KC	8.3	7.9			4.75	5.75	8.20	4.00	
2	16.02	16	Trần Bảo	Anh	23 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Vật lý	KC	9.7	8.3			5.50	5.50	5.90	5.00	
3	16.03	16	Tổng Phương	Ánh	27 / 10 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Vật lý	KC	9.6	7.9			6.50	7.00	5.40	4.25	
4	16.04	16	Vũ Lê Minh	Ánh	28 / 11 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Vật lý	KC	8.7	8.5			4.75	5.50	4.60	4.75	
5	16.05	16	Chu Thái	Bảo	20 / 03 / 2006	Thái Nguyên - Thái Nguyên	Nữ	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Vật lý	KC	8.5	7.8			3.00	5.25	6.50	1.50	
6	16.06	16	Phan Khắc	Đoàn	19 / 02 / 2006	Hải Hậu - Nam Định	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Vật lý	KC	8.7	8.7			3.75	3.25	6.60	3.00	
7	16.07	16	Nguyễn Quang	Đức	15 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Vật lý	KC	7.9	7.7			1.75	4.00	5.20	4.00	
8	16.08	16	Nguyễn Việt	Đức	29 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Vật lý	KC	9.9	9.0	Nhất	Vật lý	7.00	6.00	8.20	8.50	
9	16.09	16	Nguyễn Anh	Dũng	28 / 07 / 2006	Mèo Vạc - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Vật lý		9.2	8.3			6.75	4.25	6.80	6.50	
10	16.10	16	Phạm Tấn	Dũng	30 / 01 / 2007	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi	03	Vật lý	KC	8.4	7.5			2.75	4.00	3.80	5.00	
11	16.11	16	Lê Thu	Duyên	05 / 05 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Vật lý	KC	9.4	8.7			6.25	5.25	7.80	4.50	
12	16.12	16	Lê Duy	Hải	18 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Vật lý	KC	8.0	8.2			4.50	3.00	5.70	3.50	
13	16.13	16	Phạm Ngọc	Hải	22 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Pu Péo	Trường THCS Minh Khai	03	Vật lý	KC	8.8	8.3			6.00	6.75	7.00	6.75	
14	16.14	16	Triệu Hoàng	Hiếu	12 / 03 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Vật lý	KC	7.3	7.3			2.50	6.75	3.90	3.00	
15	16.15	16	Nguyễn Từ	Hoàng	27 / 02 / 2006	Vị Xuyên - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng		Vật lý		9.0	8.4	Ba	Vật lý	7.75	6.75	5.50	8.50	
16	16.16	16	Vàng Đức	Hoàng	30 / 06 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Giáy	Trường THCS Lê Quý Đôn	03	Vật lý	KC	9.0	9.0	Nhất	Tin học	7.00	6.75	8.40	8.25	
17	16.17	16	Đoàn Ngọc	Huyền	10 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Ngọc Hà		Vật lý		8.7	7.9			2.25	2.25	3.20	3.25	
18	16.18	16	Bùi Văn	Khang	14 / 01 / 2006	Duy Tiên - Hà Nam	Nam	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng		Vật lý		8.7	8.4	Nhi	Vật lý	6.25	6.00	5.40	7.75	

NGƯỜI NHẬP, SOÁT ĐIỂM THI

Người đọc điểm thi: ...*Nguyễn Thị Thu Phương*...Người soát điểm thi 1: ...*Bùi Thị Lê Văn*...Người soát điểm thi 2: ...*Nguyễn Công Dũng*...Người nhập điểm thi: ...*Nguyễn Quang Hùng*...Hà Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI*Nguyễn Mạnh Nhất*

Nguyễn Mạnh Nhất

PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Lâm Thế Hùng
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH HÀ GIANG

BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	Số BD	Phòng thi	Họ đệm	Tên	Sinh ngày	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự thi vào lớp chuyên (NV1)	Đăng ký nguyện vọng 2 (NV2)	ĐTBm đăng ký vào chuyên	ĐTB môn CN lớp 9	Điểm ưu tiên		Điểm thi các môn				Ghi chú
															Giải	Môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Môn Chuyên	
1	17.01	17	Phạm Hoàng Anh	Khôi	08 / 01 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Vật lý	KC	8.8	7.8			4.50	5.75	5.40	8.25	
2	17.02	17	Phạm Đức	Long	05 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi	03	Vật lý	KC	8.0	8.0			1.00	4.75	3.40	2.50	
3	17.03	17	Hoàng Cẩm	Ly	15 / 10 / 2006	Na Hang - Tuyên Quang	Nữ	Tày	Trường THCS Tam Sơn	03	Vật lý	KC	9.2	8.6			3.75	5.50	3.50	2.75	
4	17.04	17	Trần Khánh	Ly	29 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Vật lý	KC	9.1	8.8			7.75	3.25	6.30	6.75	
5	17.05	17	Vũ ánh	Mai	10 / 05 / 2006	Yên Minh - Hà Giang	Nữ	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Vật lý	KC	7.9	7.8			4.50	5.00	6.20	4.75	
6	17.06	17	Hoàng Tiến	Mạnh	03 / 10 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Minh Khai	03	Vật lý	KC	8.2	7.7			2.25	5.25	2.80	4.25	
7	17.07	17	Nguyễn Thu	Ngân	31 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Cao Lan	Trường THCS Lê Quý Đôn	03	Vật lý	KC	8.5	7.5			6.00	5.25	6.80	7.50	
8	17.08	17	Trịnh Nguyễn Minh	Ngọc	22 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Vật lý	KC	8.5	8.5			6.75	4.00	6.90	6.75	
9	17.09	17	Phạm ánh	Nguyệt	05 / 01 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Vật lý	KC	9.1	8.3			2.75	5.25	5.40	6.25	
10	17.10	17	Vũ Đức	Quý	04 / 01 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Vật lý	KC	9.2	8.6	Nhi	Vật lý	7.50	4.25	6.50	8.50	
11	17.11	17	Phạm Thị Hồng	Quyên	23 / 03 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Vật lý	KC	9.0	8.4			4.75	5.50	7.00	5.75	
12	17.12	17	Trần Quyết	Thắng	28 / 02 / 2006	Vị Xuyên - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lý Tự Trọng		Vật lý		9.7	8.5	Nhi	Vật lý	7.50	4.50	6.20	7.50	
13	17.13	17	Nguyễn Hoài	Thu	23 / 08 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Vật lý	KC	9.3	8.8	Ba	Vật lý	6.50	6.00	7.20	9.00	
14	17.14	17	Nguyễn Huyền	Trang	17 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Vật lý	KC	8.2	8.1			5.75	6.50	7.60	8.50	
15	17.15	17	Phạm Xuân	Trường	04 / 03 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi	03	Vật lý	KC	8.5	7.5			0.25	3.50	4.60	2.25	
16	17.16	17	Nguyễn Xuân	Tuấn	26 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Vật lý	KC	8.1	8.1			1.50	4.75	5.40	6.00	
17	17.17	17	Đình Duy	Việt	08 / 04 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Vật lý	KC	7.9	8.3			4.25	6.25	4.90	5.50	
18	17.18	17	Lù Đức	Vinh	09 / 03 / 2006	Mèo Vạc - Hà Giang	Nam	Nùng	Trường THCS Lê Lợi	03	Vật lý	KC	7.7	7.8			7.00	4.25	6.90	6.75	

NGƯỜI NHẬP, SOÁT ĐIỂM THI

Người đọc điểm thi: ...*Nguyễn Thị Thu Phương*...Người soát điểm thi 1: ...*Nguyễn Thị Lê Văn*...Người soát điểm thi 2: ...*Nguyễn Công Đăng*...Người nhập điểm thi: ...*Nguyễn Quang Hoàng*...Hà Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI*Nguyễn Mạnh Nhất*

Nguyễn Mạnh Nhất

PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Lâm Thế Hùng

BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	Số BD	Phòng thi	Họ đệm	Tên	Sinh ngày	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Điểm tương đương ưu tiên	Đăng ký dự thi vào lớp chuyên (NV1)	Đăng ký nguyện vọng 2 (NV2)	ĐTBm đăng ký vào chuyên	ĐTB môn CN lớp 9	Điểm ưu tiên		Điểm thi các môn				Ghi chú
															Giải	Môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Môn Chuyên	
1	18.01	18	Nguyễn Duy	Anh	10 / 01 / 2006	Yên Minh - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Tin học	KC	6.6	7.2			0.50	3.00	3.60	0.25	
2	18.02	18	Nguyễn Huệ	Anh	17 / 03 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Tin học	KC	8.6	6.8			0.50	3.00	4.40	1.75	
3	18.03	18	Nguyễn Tuấn	Anh	28 / 04 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Tin học	KC	7.9	7.9			4.75	4.50	5.40	2.25	
4	18.04	18	Phạm Gia	Bảo	03 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Tin học	KC	7.2	7.3			0.50	3.50	3.40	0.50	
5	18.05	18	Hoàng Xuân	Đạt	23 / 02 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Lê Quý Đôn	03	Tin học	KC	8.5	7.2			0.75	4.00	5.80	0.50	
6	18.06	18	Nguyễn Tiến	Đạt	06 / 10 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Lê Lợi	03	Tin học	KC	8.2	8.1			2.75	3.75	4.30	1.50	
7	18.07	18	Nguyễn Minh	Đức	13 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Tin học	KC	8.5	7.7			1.50	4.50	3.90	0.25	
8	18.08	18	Đoàn Việt	Dũng	08 / 02 / 2006	Vị Xuyên - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS TTr Vị Xuyên		Tin học	KC	8.8	8.7			5.50	4.25	6.30	5.00	
9	18.09	18	Đỗ Đức	Duy	13 / 06 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Tin học	KC	6.8	7.3			2.50	1.75	3.90	1.25	
10	18.10	18	Nguyễn Tài	Duy	19 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Tin học	KC	8.6	7.9			5.75	5.75	6.40	3.00	
11	18.11	18	Nguyễn Đăng	Giang	25 / 02 / 2006	TX Hà Đông - Hà Tây	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Tin học	KC	9.2	6.8			5.50	2.50	3.40	2.25	
12	18.12	18	Nguyễn Vũ Phú	Hà	27 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Tin học	KC	7.5	7.8			5.00	2.75	6.30	3.50	
13	18.13	18	Đào Quang	Hải	12 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Tin học	KC	6.7	7.3			2.50	2.00	5.40	3.50	
14	18.14	18	Trần Ngọc	Hải	03 / 03 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Tin học	KC	8.0	7.2			4.25	4.75	3.90	3.25	
15	18.15	18	Khổng Vũ	Hiếu	17 / 04 / 2006	Đồng Văn - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Tin học	KC	9.0	8.2			2.25	5.50	4.50	2.25	
16	18.16	18	Nguyễn Văn	Hiếu	11 / 02 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Tin học	KC	8.3	8.2			0.50	4.00	4.80	3.50	
17	18.17	18	Nguyễn Việt	Hoàng	18 / 02 / 2006	Hoàng Su Phì - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Tin học	KC	7.1	7.2			0.75	3.50	3.80	3.25	
18	18.18	18	Hà Quang	Huy	08 / 06 / 2006	Bắc Quang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Tin học	KC	7.5	7.9			0.75	5.00	3.60	3.50	
19	18.19	18	Nguyễn Trần Gia	Huy	24 / 08 / 2006	Long Biên - Hà Nội	Nam	Kinh	Trường THCS TTr Việt Lâm		Tin học	KC	8.6	7.6			2.25	4.75	5.80	2.25	
20	18.20	18	Trần Đức	Huy	02 / 05 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Tin học	KC	8.2	7.9			4.25	4.50	8.70	3.25	
21	18.21	18	Hồ Tuấn	Khang	01 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Hmông	Trường THCS Quang Trung	03	Tin học	KC	9.6	8.6			4.75	4.75	4.60	1.50	
22	18.22	18	Nguyễn Gia	Khánh	10 / 11 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi	03	Tin học		6.6	7.1			1.25	2.25	4.80	0.50	
23	18.23	18	Phạm Trúc	Linh	30 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Dao	Trường THCS Minh Khai	03	Tin học	KC	7.9	7.6			1.25	2.75	3.90	2.25	

NGƯỜI NHẬP, SOÁT ĐIỂM THI

Người đọc điểm thi: *Nguyễn Thị Thu Phương*Người soát điểm thi 1: *Nguyễn Thị Lê Hằng*Người soát điểm thi 2: *Nguyễn Công Dũng*Người nhập điểm thi: *Nguyễn Quang Lê Sơn*Hà Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI*Nguyễn Mạnh Nhất*

Nguyễn Mạnh Nhất

PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lâm Thế Hùng

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Phòng thi số: 19
Từ số báo danh: 19.01 đến số báo danh 19.22

TT	Số BD	Phòng thi	Họ đệm	Tên	Sinh ngày	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Học sinh trường THCS	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự thi vào lớp chuyên (NV1)	Đăng ký nguyện vọng 2 (NV2)	ĐTBm đăng ký vào chuyên	ĐTB môn CN lớp 9	Điểm ưu tiên		Điểm thi các môn				Ghi chú
															Giải	Môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Môn Chuyên	
1	19.01	19	Vũ Đức	Mạnh	10 / 08 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Tin học	KC	9.4	8.8			4.00	6.00	8.50	4.25	
2	19.02	19	Nguyễn Quang	Minh	05 / 06 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Tin học	KC	8.1	7.1			1.50	2.25	1.50	0.25	
3	19.03	19	Trần Quang	Minh	28 / 06 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Tin học	KC	8.1	7.8			5.50	6.75	6.10	4.25	
4	19.04	19	Nguyễn Trà	My	08 / 12 / 2006	Quản Bạ - Hà Giang	Nữ	Bồ Y	Trường THCS Minh Khai	03	Tin học	KC	8.6	8.4			5.75	5.50	5.10	4.50	
5	19.05	19	Nguyễn Giang	Nam	18 / 05 / 2006	Bắc Mê - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Tin học	KC	8.6	7.9			7.00	4.50	5.80	5.75	
6	19.06	19	Lù A	Ngọc	10 / 07 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Giáy	Trường THCS Quang Trung	03	Tin học	KC	8.7	8.2			2.25	1.50	4.50	2.25	
7	19.07	19	Trần Yên	Ngọc	23 / 04 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Ngọc Hà		Tin học	KC	8.9	8.1			3.50	6.25	4.20	2.50	
8	19.08	19	Nguyễn Đức	Quân	12 / 09 / 2006	Tuyên Quang - Tuyên Qu	Nam	Tày	Trường THCS Lê Quý Đôn	03	Tin học	KC	8.4	7.4			2.25	0.75	3.70	1.00	
9	19.09	19	Nguyễn Huy	Quang	28 / 03 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi	03	Tin học	KC	7.7	7.2			0.00	2.75	5.00	0.25	
10	19.10	19	Nguyễn Đức	Thắng	23 / 06 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Tin học	KC	8.4	7.9			0.75	5.00	4.90	0.25	
11	19.11	19	Nguyễn Đại	Thanh	08 / 06 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Tin học	KC	8.2	7.7			2.50	4.00	5.00	2.25	
12	19.12	19	Phạm Văn	Thanh	05 / 04 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai	03	Tin học	KC	7.9	7.0			2.00	5.00	6.10	1.50	
13	19.13	19	Hoàng Lê Công	Thành	07 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Lê Lợi	03	Tin học	KC	7.5	8.1			0.50	1.75	5.10	0.75	
14	19.14	19	Nguyễn Đức	Thành	31 / 10 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Tin học	KC	7.6	7.2			0.50	4.00	5.10	0.50	
15	19.15	19	Trần Công	Thành	26 / 05 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Tày	Trường THCS Lê Lợi	03	Tin học	KC	7.7	7.6			0.25	1.75	5.70	0.75	
16	19.16	19	Nguyễn Đức	Thiện	14 / 11 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Yên Biên		Tin học	KC	8.9	8.4			6.75	4.50	6.40	4.50	
17	19.17	19	Nguyễn Thị Anh	Thư	18 / 09 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Ngọc Hà		Tin học	KC	8.9	7.9			0.25	3.00	3.10	0.25	
18	19.18	19	Phạm Huyền	Trang	09 / 08 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nữ	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Tin học	KC	8.6	7.8			0.25	5.00	5.00	0.75	
19	19.19	19	Hà Minh	Tú	13 / 12 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Cao Lan	Trường THCS Yên Biên	03	Tin học	KC	8.5	7.9			6.50	3.50	4.90	3.00	
20	19.20	19	Vũ Anh	Tú	27 / 11 / 2006	TP Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Minh Khai		Tin học	KC	7.1	6.9			0.50	1.75	4.70	0.75	
21	19.21	19	Hoàng Minh	Tuấn	26 / 08 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Quý Đôn		Tin học	KC	8.2	7.0			3.75	4.50	4.00	4.25	
22	19.22	19	Trần Huy	Vũ	05 / 02 / 2006	TX Hà Giang - Hà Giang	Nam	Kinh	Trường THCS Lê Lợi		Tin học	KC	7.5	7.5			2.50	3.75	7.30	2.25	

NGƯỜI NHẬP, SOÁT ĐIỂM THI

Người đọc điểm thi: Nguyễn Thị Ngọc Diệp
 Người soát điểm thi 1: Nguyễn Lê Văn Vũ
 Người soát điểm thi 2: Nguyễn Công Dũng
 Người nhập điểm thi: Nguyễn Quang Hùng

Hà Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Nguyễn Mạnh Nhất

Nguyễn Mạnh Nhất

PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

**KIỂM GIAM ĐOC
 PHO GIAM ĐOC**



Lâm Thế Hùng